

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ
phê duyệt Quy hoạch chung điều chỉnh thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030,
tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh
Nghệ An quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của UBND thành phố Vinh tại Công văn số 1848/UBND-QLĐT ngày 15/4/2020;
đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 2627/SXD.KTQH ngày 27/8/2019 về việc
thẩm định Quy hoạch phân khu phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
và hồ sơ quy hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Hưng Dũng,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Hưng Dũng,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

2. Chủ đầu tư lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân thành phố Vinh.

3. Tư vấn lập quy hoạch: Viện Quy hoạch - Kiến trúc Xây dựng Nghệ An.

4. Phạm vi ranh giới và thời hạn lập quy hoạch:

4.1. Phạm vi ranh giới:

- Phía Bắc giáp: Đường Nguyễn Sỹ Sách và các xã: Hưng Lộc, Hưng Hòa;
- Phía Nam giáp: Phường Bến Thủy;
- Phía Đông giáp: Sông Lam và xã Hưng Hòa;
- Phía Tây giáp: Đại lộ Lê Nin và đường Phong Định Cảng.

4.2. Niên độ quy hoạch: Đến năm 2030.

5. Tính chất, chức năng:

- Là đơn vị hành chính của thành phố Vinh, gồm các khu chức năng chính: Khu ở dân cư, thương mại dịch vụ, khu hành chính, văn hóa, các công trình công cộng.

- Là khu vực đô thị chính trang và phát triển mới, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ.

6. Mục tiêu và nhiệm vụ của đồ án:

- Cụ thể hóa điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 và Đề án phát triển thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thành trung tâm kinh tế, văn hóa vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2020 theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2468/QĐ-TTg ngày 29/12/2015.

- Điều tra đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, địa hình, hiện trạng xây dựng, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, các điều kiện kinh tế xã hội khu vực quy hoạch.

- Định hướng phát triển kinh tế xã hội, các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng cơ sở, hạ tầng kỹ thuật của khu vực quy hoạch.

- Tổ chức quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đồng bộ phù hợp thực tế của khu vực và định hướng điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vinh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Xây dựng quy định quản lý theo đồ án làm cơ sở pháp lý để quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

7. Quy mô dân số và đất đai:

7.1. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng trong khu vực nghiên cứu quy hoạch: 22.838 người.

- Dân số khu vực dự báo đến năm 2030: 38.500 người.

7.2. Quy mô đất đai: Tổng diện tích khu đất quy hoạch: 519,28 ha.

8. Cơ cấu quy hoạch phân khu chức năng và tổ chức không gian kiến trúc:

8.1. Công trình công cộng:

a) Trung tâm hành chính phường (Ký hiệu CC): Giữ nguyên tại vị trí hiện có phía Nam đường Nguyễn Duy Trinh, thuộc khối Văn Tiến. Các công trình xây dựng gồm: Trụ sở HĐND-UBND phường, Công an phường, Trung tâm văn hóa, Đội Thuế. Tổng diện tích: 0,40ha; mật độ xây dựng 30 - 40%; tầng cao từ 1 - 3 tầng.

b) Nhà văn hóa khối, sân thể thao:

- Nhà văn hóa + sân thể thao khối (Ký hiệu VH): Gồm 21 vị trí, trong đó giữ nguyên 19 nhà văn hóa đã có; quy hoạch xây dựng mới 02 nhà văn hóa tại các khối Tân Lâm và Đông Thọ. Tổng diện tích: 4,71ha; mật độ xây dựng từ 30 - 40%; tầng cao 1 tầng.

- Sân vận động phường (Ký hiệu CX-02): Được giữ nguyên tại vị trí hiện có, phía Tây Nam đường Nguyễn Duy Trinh, thuộc khối Văn Tiến. Diện tích: 0,49ha.

c) Chợ (Ký hiệu CH): Gồm 02 vị trí (chợ Hưng Dũng, chợ Trung), được giữ nguyên tại vị trí hiện nay. Tổng diện tích: 0,90ha; mật độ xây dựng từ 55 - 60%; tầng cao từ 1 - 2 tầng.

8. 2. Công trình giáo dục (Ký hiệu GD):

a) Trường mầm non (Ký hiệu GD-02; GD-03; GD-07; GD-08; GD-11; GD-12): Gồm 06 vị trí, trong đó có 03 trường được giữ nguyên vị trí hiện có tại các khối Trung Đô, Trung Yên, Văn Tiến; 03 trường quy hoạch xây dựng mới tại các khu quy hoạch đất ở mới về phía Đông của phường. Tổng diện tích: 3,25ha; mật độ xây dựng từ 30 - 40%; tầng cao từ 1 - 2 tầng.

b) Trường tiểu học (Ký hiệu GD-01; GD-06; GD-09): Gồm 03 vị trí, trong đó có 02 trường được giữ nguyên vị trí hiện có tại các khối Trung Tiến, Văn Tiến; 01 trường quy hoạch xây dựng mới tại khu trung tâm mới phía Đông của phường. Tổng diện tích: 3,1ha; mật độ xây dựng từ 30 - 40%; tầng cao từ 1 - 3 tầng.

c) Trường THCS (Ký hiệu GD-05; GD-10): Gồm 02 vị trí, trong đó có 01 trường được giữ nguyên vị trí hiện có tại khối Văn Tiến; 01 trường quy hoạch xây dựng mới tại khu trung tâm mới phía Đông của phường. Tổng diện tích: 2,59ha; mật độ xây dựng từ 30 - 40%; tầng cao từ 1 - 3 tầng.

d) Trường THPT (Ký hiệu GD-15): Quy hoạch xây dựng mới tại khu trung tâm mới của phường tại phía Đông. Diện tích: 1,60ha; mật độ xây dựng từ 40 - 45%; tầng cao từ 2 - 5 tầng;

e) Trường phổ thông chất lượng cao Phụng Hoàng (Trường liên cấp: Tiểu học, THCS, THPT - Ký hiệu GD-04): Giữ nguyên vị trí hiện có bám trục đường Duy Tân thuộc khối Tân Tiến. Diện tích: 0,628ha; mật độ xây dựng từ 30 - 40%; tầng cao tối đa 12 tầng.

f) Trường đại học Y khoa Nghệ An (Ký hiệu GD-13): Được giữ nguyên tại vị trí hiện có thuộc khối Trung Đông, diện tích: 1,91ha; mật độ xây dựng từ 30 - 40%, tầng cao từ 1 - 12 tầng;

g) Trường đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh (Ký hiệu GD-14): Được giữ nguyên tại vị trí hiện có thuộc khối Đông Lâm, diện tích: 22,20ha; mật độ xây dựng từ 30 - 40%, tầng cao từ 1 - 12 tầng.

8. 3. Công trình y tế (Ký hiệu YT):

a) Trạm y tế phường: Được giữ nguyên tại vị trí hiện có, phía Nam đường Nguyễn Gia Thiều, thuộc khối Văn Trung. Diện tích: 0,21ha; mật độ xây dựng từ 40 - 60%; tầng cao từ 1 - 2 tầng.

b) Bệnh viện, trung tâm y tế; Gồm 08 vị trí: 07 vị trí cũ và 01 vị trí mới.

- Bệnh viện (gồm Bệnh viện ung bướu; Bệnh viện sản Nhi; Bệnh viện chấn thương chỉnh hình; Bệnh viện đa khoa Cửa Đông; Trung tâm huyết học; Trung tâm pháp y;

Trung tâm phòng chống sốt rét; Hội đồng giám định y khoa): Được giữ nguyên tại vị trí đã có hiện nay. Tổng diện tích: 10,18ha; mật độ xây dựng từ 40 - 60%; tầng cao từ 1 - 12 tầng.

- Trung tâm y tế: Quy hoạch xây dựng mới về phía Đông của phường, bám trục đường Nguyễn Sỹ Sách, diện tích: 3,61ha; mật độ xây dựng từ 35 - 40%; tầng cao từ 1 - 12 tầng.

8.4. Khu cơ quan, doanh nghiệp:

- Khu cơ quan (Ký hiệu CQ): Bao gồm 07 vị trí (BQL Di tích danh thắng; Hội Cựu chiến binh; Đoàn ca múa nhạc dân tộc; BQL Dự án 85; Trạm Khuyến nông; Hạt Đê điều; Chi cục thi hành án dân sự thành phố) được giữ nguyên tại vị trí hiện có. Tổng diện tích: 3,6ha; mật độ xây dựng từ 45 - 60%; tầng cao từ 1 - 6 tầng.

- Khu doanh nghiệp (Ký hiệu DN): Bao gồm 06 vị trí (Công ty sữa Vinamilk); Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI; Công ty Vật tư y tế; Công ty Thanh Sơn; Trung tâm tư vấn việc làm quân khu 4; Xí nghiệp may C20 được giữ nguyên tại vị trí hiện có. Tổng diện tích: 1,7ha; mật độ xây dựng từ 45 - 60%; tầng cao từ 1 - 6 tầng.

8.5. Khu thương mại dịch vụ (Ký hiệu TM): Gồm 11 vị trí, trong đó:

- Giữ nguyên 10 vị trí hiện trạng đã có (các khu thương mại dịch vụ đã và đang xây dựng), nằm bám các trục đường V.Lê Nin, Nguyễn Phong Sắc. Tổng diện tích: 2,79ha; mật độ xây dựng từ 35 - 45%; tầng cao từ 1 - 20 tầng.

- Quy hoạch xây dựng mới 01 khu dịch vụ thương mại về khu vực phía Đông của phường (phía Nam đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài), diện tích: 2,01ha; mật độ xây dựng từ 50 - 70%; tầng cao từ 3 - 20 tầng.

8.6. Khu ở dân cư (Ký hiệu DO): Bao gồm khu dân cư hiện trạng, khu quy hoạch dân cư mới và một số khu chung cư đã xây dựng. Tổng diện tích: 200,30ha.

- Tầng cao: Đối với các lô đất bám trục đường <15m tầng cao tối đa 6 tầng; Đối với các lô đất bám trục đường $\geq 15m$ tầng cao tối đa 8 tầng.

- Mật độ xây dựng trong từng lô đất xây dựng nhà ở thấp tầng từ 80 - 100%.

- Đối với các dự án phát triển nhà ở đã có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt.

8.7. Khu cây xanh công viên, cây xanh cách ly (Ký hiệu CXCV, CXCL):

- Khu cây xanh công viên, vườn hoa: Được phân bố đều trên toàn khu quy hoạch nhằm đảm bảo bán kính phục vụ cho nhân dân, bao gồm: công viên, vườn hoa, cây xanh nghĩa trang. Tổng diện tích: 40,77ha.

- Khu cây xanh cách ly: Là hành lang an toàn đảm bảo theo quy định cho đường ống xăng dầu Nghi Hương - Bến Thủy. Tổng diện tích: 4,83ha.

8.8. Khu an ninh quốc phòng (Ký hiệu QP): Gồm 02 vị trí, trong đó giữ nguyên vị trí Đơn vị Bộ đội thông tin đã có hiện nay tại khối Trung Định và quy hoạch

xây dựng mới trận địa pháo về khu vực phía Đông Nam phường, bám dọc trục đường quy hoạch 24m. Tổng diện tích: 2,1ha; mật độ xây dựng từ 30 - 40%; tầng cao từ 1 - 3 tầng.

8.9. *Đất hỗn hợp*: Gồm các dự án nhà ở cao tầng, thấp tầng kết hợp dịch vụ thương mại. Được quy hoạch chủ yếu về phía Đông Nam của khu quy hoạch, gần khu vực trục đường ven Sông Lam và đường quy hoạch 24m. Tổng diện tích: 56,0ha; mật độ xây dựng từ 45 - 60%; tầng cao từ 3 - 27 tầng.

8.10. *Đất di tích (Ký hiệu DT)*: Gồm di tích Đình Trung, di tích Dăm Mụ Nuôi, miếu Quan Bác, Đài tưởng niệm Liệt sỹ được giữ nguyên tại vị trí cũ đã có. Tổng diện tích: 0,90ha; mật độ xây dựng từ 30 - 40%; tầng cao 1 tầng.

8.11. *Đất công nghiệp, kho tàng (Ký hiệu CN)*: Gồm Kho xăng dầu Bến Thủy và nhà máy dầu Tường An, được giữ nguyên tại vị trí đã có thuộc khối Đông Lâm. Tổng diện tích: 10,60ha; mật độ xây dựng từ 30 - 40%; tầng cao 1 tầng.

9. Quy hoạch sử dụng đất: Thống nhất theo bản vẽ QH-04

Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng đất:

TT	Thành phần đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công trình công cộng	6,60	1,27
2	Đất công trình giáo dục	35,30	6,80
3	Đất công trình y tế	14,0	2,70
4	Đất công trình cơ quan	3,60	0,69
5	Đất công trình doanh nghiệp	1,70	0,35
6	Đất thương mại dịch vụ	4,80	0,92
7	Đất ở dân cư	200,30	38,57
7.1	<i>Đất ở hiện trạng cải tạo, xen dăm</i>	<i>148,30</i>	<i>28,56</i>
7.2	<i>Đất ở mới, tái định cư</i>	<i>52,00</i>	<i>10,01</i>
8	Đất hỗn hợp (chung cư cao tầng kết hợp TMDV, nhà ở thấp tầng)	56,00	10,78
9	Đất di tích	0,90	0,17
10	Đất quốc phòng	2,10	0,40
11	Đất công nghiệp, kho tàng	10,60	2,04
12	Đất cây xanh công viên, cách ly	45,60	8,78
13	Đất mặt nước (sông Lam)	25,10	4,83
14	Đất hạ tầng kỹ thuật (bãi đỗ xe, thu gom rác, trạm bơm...)	5,00	0,96
15	Đất giao thông	107,68	20,74
	Tổng cộng	519,28	100,00

10. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

10.1. *Giao thông*: Thống nhất theo bản vẽ QH-06.

a) Các mặt cắt đặc trưng:

TT	Mặt cắt	Mặt đường (m)	Hè đường (m)	Bulva (m)	Chỉ giới (m)	Ghi chú
1	A - A	2x16.0	2 x 10.0	4.0	56.0	Đường Lê Nin
2	B - B	2 x 10.5	2 x 8.0	4.0	41.0	Ven Sông Lam
3	C - C	21.0	2 x 12.0		45.0	Nguyễn Phong Sắc
4	D - D	24.0	2 x 8.0		40.0	Nguyễn Sỹ Sách
5	E - E	12.0	2 x 6.0		24.0	Phong Định Cảng Võ Nguyên Hiến Nguyễn Gia Thiệu Nguyễn Duy Trinh
6	G - G	9.0	2 x 4.5		18.0	Tôn Thất Tùng
7	I - I	15.0	2 x 10.0		35.0	Nguyễn Viết Xuân
8	N - N	2x7.50	2x7.50		30.0	Đường quy hoạch
9	K - K	6.0	2 x 3.0		12.0	Đường quy hoạch
10	H - H	7.50	2 x 3.75		15.0	Đường quy hoạch
11	L - L	4.0	2 x 2.50		9.0	Đường quy hoạch
12	M - M	5.0-7.0			5.0-7.0	Đường trong khu dân cư

- Ngoài các mặt cắt được xác định nêu trên, đối với các khu vực đầu tư xây dựng mới yêu cầu chỉ tiêu đường giao thông trong từng khu chức năng phải đảm bảo:

- + Lòng rộng từ 5,5m đến 7,5m, vỉa hè đảm bảo tối thiểu 3,0m;
- + Lòng rộng từ 7,5m đến 10,5m, vỉa hè đảm bảo tối thiểu 4,0m;
- + Lòng rộng từ 10,5m trở lên, vỉa hè đảm bảo tối thiểu 5,0m.

b) Chỉ giới xây dựng (khoảng lùi):

- + Các công trình đã xây dựng: Giữ nguyên hiện trạng.
- + Các dự án đã có quy hoạch tỷ lệ 1/500 được cấp thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

+ Các công trình xây dựng mới: Tùy theo tính chất, chức năng, tầng cao công trình và điều kiện thực tế xây dựng để xác định khoảng lùi theo đúng quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng.

c) Bãi đậu xe (*ký hiệu P*): Bố trí 11 bãi đậu xe với tổng diện tích 5,0ha tại các khối Xuân Đông, Xuân Trung, Văn Tiến và khu vực phía Đông của phường.

10.2. Chuẩn bị kỹ thuật: Thống nhất theo bản vẽ QH-07

a) San nền: Thống nhất cao độ cao nhất +5,90m, thấp nhất +3,50m.

b. Thoát nước mưa: Được chia thành 5 lưu vực chính cụ thể:

- Lưu vực 1 (khu vực phía Đông đường Lê Nin và phía Tây Bắc đường Nguyễn Phong Sắc): Thu nước theo các cống thoát nước dọc các trục đường rồi thoát ra kênh Bắc.

- Lưu vực 2 (khu vực phía Tây Nam đường Nguyễn Duy Trinh và khu vực Trường đại học sư phạm kỹ thuật Vinh): Thu nước theo các cống thoát nước dọc các trục đường rồi thoát vào mương thoát nước số 1 (khối Tân Lộc), thoát ra kênh hở 10m ở phía Đông và thoát về phía sông Rào Đùng.

- Lưu vực 3 (khu vực phía Đông Bắc đường Nguyễn Duy Trinh, phía Tây đường quy hoạch 30m): Thu nước theo các cống thoát nước dọc các trục đường thoát vào mương thoát nước số 2 (khối Xuân Bắc), thoát theo mương số 3 (dọc đường quy hoạch 30m) rồi thoát ra kênh Bắc.

- Lưu vực 4 (khu vực phía Nam đường Nguyễn Viết Xuân): Thu nước theo các cống thoát nước dọc các trục đường, thoát ra kênh hở 10m rồi thoát về sông Rào Đùng

- Lưu vực 5 (khu vực khu đô thị mới phía Đông): Thu nước theo các cống thoát nước dọc các trục đường, một phần thoát vào kênh hở 10m, một phần thoát vào hồ điều hòa rồi thoát ra sông Rào Đùng.

10.3. Cấp nước: Thống nhất theo bản vẽ QH-10.

- Nguồn nước được lấy từ hệ thống cấp nước thành phố Vinh và vùng phụ cận. Điểm đầu nối tại nút giao nhau giữa Đại lộ Lê Nin và đường Nguyễn Phong Sắc.

- Tiêu chuẩn cấp nước: 180 lít/người.ngày.đêm.

- Tổng công suất tính toán: 5.775 m³/ngày.đêm.

- Nguồn nước phòng cháy chữa cháy sử dụng chung với nguồn nước sinh hoạt. Sử dụng 125 trụ cứu hỏa kiểu nổi đường kính D125 theo TCVN 6379-1998 đặt trên các tuyến đường chính, khoảng cách giữa các trụ ≤150m.

10.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường: Thống nhất theo bản vẽ QH-11.

- Trước mắt nước thải thoát chung với nước mưa, tương lai thoát theo mạng riêng. Nước thải sinh hoạt được xử lý tại chân công trình trước khi thoát vào mạng chung. Tiêu chuẩn thoát nước thải lấy theo tiêu chuẩn cấp, tỷ lệ thu gom 90% công suất cấp nước. Tổng công suất: 5.198m³/ng.đ.

- Rác thải được thu gom tại các thùng chứa rác và các hố thu sau đó được thu gom và đưa về khu xử lý tập trung tại phường Nghi Yên, huyện Nghi Lộc. Tổng công suất tính toán: 50,1 tấn/ngày.đêm.

10.5. Cấp điện: Thống nhất theo bản vẽ QH-08.

- Nguồn điện: Được lấy từ trạm 220KV Hưng Đông.

- Tổng công suất định mức: 26.632 KVA.

- Xây dựng mới 25 trạm biến áp loại 22/0,4kV, cải tạo nâng công suất 15 trạm biến áp hiện trạng.

10.6. Thông tin liên lạc:

- Sử dụng từ nguồn thông tin liên lạc chung thông qua tuyến cáp quang của thành phố Vinh.

- Công nghệ mạng thế hệ tiếp theo (Next Generation Networks- NGN), Công nghệ WiMax, Công nghệ 3G/4G/5G và Mobile Internet sẽ là công nghệ chủ yếu được khai thác trong những năm tiếp theo.

- Hạ tầng mạng ngoại vi tại khu vực thành phố trong giai đoạn tới cần được phát triển theo xu hướng ngầm hóa (xây dựng hạ tầng công bề ngầm hóa mạng cáp).

10.7. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Trong quá trình thi công xây dựng các công trình, phải có phương án đảm bảo về tiếng ồn, rác thải xây dựng và an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

- Trong quá trình khai thác, vận hành phải quản lý tốt việc thu gom rác thải, xử lý nước thải sinh hoạt. Nghiêm cấm việc xả nước thải chưa qua xử lý vào hệ thống mạng thoát nước chung. Quản lý tốt hệ thống ống dẫn nước thải, tránh sự rò rỉ nước thải ra ngoài làm ô nhiễm môi trường.

- Xây dựng hệ thống quan trắc và giám sát định kỳ về môi trường đất, nước, địa chất, không khí, tiếng ồn, rác thải, biến động hệ sinh thái tại khu vực, các điểm có khả năng gây ra sự cố môi trường, các khu vực nhạy cảm về môi trường.

11. Thiết kế đô thị:

- Phân vùng kiến trúc cảnh quan: Được phân thành các trục cảnh quan chính và phát triển hài hoà giữa các khu vực cũ và mới.

- Một số vị trí có quy hoạch xây dựng công trình tạo điểm nhấn kiến trúc cảnh quan đô thị sẽ được xem xét cụ thể về hình thức kiến trúc, tầng cao, mật độ xây dựng, chỉ giới xây dựng, hệ số sử dụng đất trong quy hoạch chi tiết đảm bảo theo đúng quy định và phù hợp điều kiện thực tế.

12. Ban hành kèm theo Quyết định này bộ bản vẽ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Trên cơ sở đồ án quy hoạch phân khu và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được phê duyệt, giao trách nhiệm các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

1. Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Vinh và các sở, ban, ngành liên quan thực hiện chức năng quản lý quy hoạch, sử dụng đất, đầu tư xây dựng công trình theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Vinh hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố quy hoạch để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện; đồng thời chuyển giao các bản vẽ quy hoạch được duyệt để các cơ quan liên quan thực hiện chức năng quản lý theo

quy định (bao gồm: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố Vinh và Ủy ban nhân dân phường Hưng Dũng).

3. Ủy ban nhân dân thành phố Vinh lập kế hoạch thực hiện quy hoạch, lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

4. Nghiêm cấm việc thay đổi đồ án quy hoạch đã được phê duyệt. Các nội dung điều chỉnh, thay đổi so với quy hoạch đã được phê duyệt phải được Ủy ban nhân dân thành phố Vinh tổng hợp, trình Sở Xây dựng thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An xem xét, giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vinh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hưng Dũng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./


Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng; Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các PVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; TT Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, CN, CVXD (Quỳnh).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Lê Ngọc Hoa